

Số: 522/2020/QĐST - HNGĐ

Quận 9, ngày 03 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 490/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: s chung cư R, đường w, tổ 13, khu phố 6, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Quán cà phê J, hẻm k Đường i, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 và điểm b Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê H và ông Nguyễn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/4/2002 cho ông Nguyễn T và bà Lê H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 03/5/2001 – đã trưởng thành và Nguyễn P1, sinh ngày 10/6/2008; Giao con chung trẻ Nguyễn P1 cho bà Lê H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), bắt đầu từ khi quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ P1 đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng do hai bên tự giao nhận với nhau vào ngày 30 dương lịch hàng tháng.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà Lê H tự nguyện chịu toàn bộ, được cân trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0013705 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDQ9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- UBND P Phước Long B, Q.9, TP HCM.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hới

